TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 08 -3- 2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lựu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Trung

2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Trương Hữu Lộc – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 624/2022/TLST - HNGĐ ngày 22/11/2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐST - HNGĐ ngày 01/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST – HNGĐ ngày 20/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1983 (vắng mặt – có đơn)
ĐKTT: 073/AQ ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: 073/AQ, ấp A, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H cưới nhau năm 2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B ngày 15/10/2003. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, bà không còn tình cảm vợ chồng với ông H, không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông H nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông H có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 16/02/2011; Sau khi ly hôn đối với cháu Tính đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Nguyễn Hoàng O thì con sống chung với ai thì người đó nuôi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà M, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B trình bày quan điểm*:

- Về thủ tục: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS; bị đơn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị M. Bà M được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Hoàng I sinh ngày 31/5/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến. Giao cháu Võ

Hoàng Toán sinh ngày 16/02/2011 cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng muốn sống với cha của cháu Hoàng Toán).

+ Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông H vắng mặt không lý do. Nguyên đơn bà Phạm Thị M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông H.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Bà M và ông H cưới nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện B vào ngày 15/10/2003 nên là hôn nhân hợp pháp. Do đó, hôn nhân của bà M và ông H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hòa giải, hàn gắn được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông H. Ông H biết việc bà M yêu cầu ly hôn với ông nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện B đã nhiều lần tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến muốn hàn gắn tình cảm với bà M. Điều đó thể hiện ông H đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà M và ông H là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà M với ông H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà M và ông H có hai con chung là cháu Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 31/5/2004 và Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 16/02/2011; Sau khi ly hôn đối với cháu Tính đã trưởng thành không yêu cầu

Tòa án giải quyết; đối với cháu Nguyễn Hoàng O thì con sống chung với ai thì người đó nuôi. Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 25/11/2022 đối với cháu Nguyễn Hoàng O thì cháu Toán cho biết hiện tại cháu đang sống chung với cha là ông Nguyễn Văn H; sau khi cha mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với cha; không yêu cầu mẹ cấp dưỡng. Tại biên bản xác H ngày 25/11/2022 tại Ủy ban nhân dân xã N cho biết hiện tại mâu thuẫn giữa ông H và bà M Ủy ban không biết rõ; về con chung thì cháu Hoàng Tính đã trưởng thành và có cuộc sống riêng; đối với cháu Hoàng Toán từ trước đến giờ sống chung với cha và gia đình bên nội. Xét nguyện vọng muốn được sống chung với cha của cháu Hoàng Toán xét thấy từ trước đến nay cháu Toán đều sống chung với ông H và cháu vẫn phát triển tốt để đảm bảo sự phát triển bình thường về tinh thần lẫn thể chất. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng O cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị M phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị M. Bà Phạm Thị M được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Hoàng I, sinh ngày 31/5/2004 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến. Giao cháu Nguyễn Hoàng O, sinh ngày 16/02/2011 cho ông Nguyễn Văn H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà Phạm Thị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung: Không có nên không xét đến.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà Phạm Thị M phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000204 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M đã nộp xong.

Bà Phạm Thị M, ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã N, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Lựu